

**CHÍNH TRỊ - LUẬT****VÀI NHẬN THỨC VỀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG HÀNH XỬ ĐỐI NGOẠI CỦA MỸ VÀ TRUNG QUỐC**

Nguyễn Anh Cường\*  
Trần Quang Khải\*  
Nguyễn Thị Phương Linh\*

**Tóm tắt:** Bên trong hành xử đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc đều được hình thành từ các giá trị cốt lõi mang bản sắc, chi phối thái độ, nhận thức và hành động ra bên ngoài thế giới. Đối với Mỹ, giá trị “tự do” trở thành nguyên tắc bất di bất dịch trong ý thức bản sắc dân tộc và từ lâu trở thành bệ đỡ cho giấc mơ Mỹ. Phía bên kia là Trung Quốc, mang trong mình một giai đoạn đau thương “bách niên quốc sỉ” buộc phải nhận thức và chuyển đổi để hình thành giá trị “phục hưng”. Tuy Mỹ và Trung Quốc đều tồn tại hai giá trị khác nhau trong lối hành xử quốc tế, nhưng sâu thẳm trong đó vẫn tồn tại sự tương đồng về lợi ích quốc gia - dân tộc. Bài viết không chỉ tập trung phân tích nhận thức về giá trị cốt lõi trong hành xử đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc, mà còn đi sâu vào so sánh các giá trị qua các thể hệ lãnh đạo của hai quốc gia để thấu hiểu các điểm khác biệt và tương đồng căn bản nhất.

**Từ khóa:** chính sách đối ngoại, chính sách đối ngoại của Mỹ, chính sách đối ngoại của Trung Quốc, tự do, phục hưng

**Giá trị đối ngoại cốt lõi****“Tự do” trong đối ngoại của Mỹ**

Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ luôn gắn liền với khẩu hiệu “tự do”. Lối viện dẫn giá trị “tự do” giống như chìa khóa quan trọng để nước Mỹ hiện thực hóa khát vọng mở chiếc cổng thịnh vượng cho toàn bộ thế giới. Mỹ tự nhận vai trò là chủ thể chính nắm giữ giá trị cốt lõi này và phải thực hiện gìn giữ, bảo vệ, cũng như tích cực thực hiện khai sáng “tự do” cho các quốc gia khác. Giá trị “tự do” không những là một luận điểm then chốt trong lịch sử khởi nguồn

của người Mỹ, mà nó còn đại diện cho ngọn cờ đấu tranh và phát triển xuyên suốt của nước Mỹ.

Tự do vốn là một khái niệm hoàn toàn mơ hồ với cư dân bản địa châu Mỹ. Khái niệm tự do Mỹ được biết đến ngày nay được du nhập từ những người nhập cư ở châu Âu trong thời kỳ phát kiến địa lý. Tuy nhiên, mỗi dân tộc nhập cư lại có thái độ hoàn toàn khác với tự do. Chẳng hạn, Hà Lan chỉ nhìn vào “tự do tưởng tượng”, hay Tây Ban Nha là “tước đoạt tự do” chứ không hình thành giá trị riêng cho nó. Duy chỉ nước Anh

\* Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội

có thái độ cởi mở hơn khi trở thành đế chế, cả khi tiếp cận “Tân thế giới” theo cách thoáng đạt đối với tự do. Ở Tân thế giới, nước Anh thử nghiệm nhiều trạng thái dân chủ, tự do từ các học thuyết đặc trưng như “tinh thần pháp luật”, “khế ước xã hội” và len lỏi trong đó là tinh thần của chủ nghĩa Thanh giáo với việc nhấn mạnh quyền tự do bình đẳng trước Chúa<sup>1</sup>. Mặc dù khác nhau do sự cai trị và cách hiểu giá trị tự do có nhiều khác biệt song chính sức mạnh tôn giáo đã gắn kết người dân thuộc địa tại Mỹ. Tocqueville nhận định, “tôn giáo là cái nôi của tự do” và chính nhờ Thanh giáo, tự do bám chặt vào bản sắc Mỹ để từ đó giá trị cốt lõi kiến dựng và phát triển phát luật, thể chế chính trị Mỹ theo khuôn mẫu về tự do<sup>2</sup>.

Người dân thuộc địa Mỹ bắt đầu tin tưởng tự do như cách họ tin tuyệt đối vào Chúa, kinh Tân ước phán rằng, “tinh thần Chúa ở đâu thì tự do ở đó”<sup>3</sup>. Với sự thừa hưởng tự do, người dân thuộc địa Mỹ biến khái niệm tự do thành của riêng mình và ý thức được bản chất tự do là không phụ thuộc vào tầm kiểm soát của bất kỳ thế lực nào. Các cuộc cách mạng đấu tranh đòi quyền tự do nổ ra ngày một nhiều hơn ở khắp 13 thuộc địa tại Mỹ. Lòng khao khát tự do cháy bỏng được hô hào qua khẩu hiệu chính trị bởi Patrick Henry vào năm 1775, “hãy cho tôi tự do hoặc cho tôi cái chết”<sup>4</sup>. Hơn nữa, Richard Henry Lee, nhà lãnh đạo của cuộc Cách mạng Mỹ đã thể chế hóa nội hàm tự do

không dành riêng cho từng cá thể, mà là của số đông quốc gia tự do, “các thuộc địa châu Mỹ phải thống nhất và phải có quyền tương xứng như là các quốc gia tự do và độc lập”<sup>5</sup>. Đây chính là tâm niệm về “quốc gia tự do” làm động lực thôi thúc cho Thomas Jefferson viết bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ năm 1776 khẳng định: “Tạo hoá đã ban cho mọi người một số đặc quyền tất yếu bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”<sup>6</sup>. Jefferson đã liệt kê những nội dung căn cốt nhất của tự do, mặc định cho dân tộc Mỹ một hình ảnh vĩ đại về mục đích sống và nhiệm vụ của họ với thế giới. Không dừng lại ở đó, tự do được cường hóa trạng thái không chỉ là một giá trị mang tính liệt kê đơn thuần, mà được hiện hữu qua văn bản thành văn quan trọng nhất của nước Mỹ - Hiến pháp Mỹ. Hiến pháp ra đời đóng vai trò thừa nhận và bảo vệ giá trị tự do. Từ đó, giá trị này trở thành nền tảng cho việc xây dựng thể chế chính trị, hệ thống các nguyên tắc và chuẩn mực hành xử quốc tế của nước Mỹ đối với thế giới rộng lớn<sup>7</sup>.

Tuy nhiên, tự do Mỹ vẫn chưa hoàn chỉnh khi số đông người dân vẫn chịu cảnh nô lệ. Vì vậy, Abraham Lincoln lên án chế độ nô lệ đã vi phạm trắng trợn các nguyên tắc tự do của Hoa Kỳ được nêu trong bản Tuyên ngôn Độc lập, đồng thời ông phê phán quyền tự do ở bản Hiến pháp. Lincoln tin rằng, việc loại bỏ chế độ nô lệ như một chân lý

nghiêm nhiên để Hoa Kỳ hoàn thành toàn diện nguyên tắc dân chủ và tự do từ đó giúp phổ biến chúng ra khắp thế giới một cách đáng tin. Các nhà nghiên cứu lịch sử cũng thấy rằng, chế độ nô lệ đã can thiệp vào việc hoàn thành sứ mệnh vĩ đại của tự do Mỹ. Chính điều này đã “tước đi tám gương tự do” và “ảnh hưởng chính đáng trên thế giới” của Mỹ dẫn đến các nước “chế nhạo nước Mỹ là đạo đức giả”<sup>8</sup>. Chính vì vậy, sự kết thúc nội chiến Mỹ dưới sự toàn thắng của Lincoln được so sánh như thấp sáng lại “ngọn đuốc tự do Mỹ” và trở thành cột mốc giai đoạn “đổi mới tự do” dựa trên nền tảng thượng tôn lý tưởng tự do nhân dân “của dân, do dân và vì dân”<sup>9</sup>.

Đối ngoại với thế giới của nước Mỹ trong suốt thế kỷ XX cho thấy rõ hơn về giá trị tự do. Nước Mỹ luôn phô diễn giá trị tự do làm châm ngôn đi trước chuỗi hành động đối ngoại phía sau như một lời khẳng định lý tưởng, mục đích của quốc gia. Trên cơ sở đó, Mỹ tự nhận mình có trách nhiệm khai hóa và lan tỏa tự do khắp thế giới như con đường chính đáng biện hộ cho các hành động chính trị của mình. Năm 1941, Tổng thống Franklin D. Roosevelt đệ trình 4 luận điểm tự do và giải thích “tự do có nghĩa là quyền tối cao của người dân ở khắp mọi nơi”<sup>10</sup>. Trên cơ sở này, Mỹ tuyên bố phải có trách nhiệm chính đáng bảo vệ nền tự do đang bị đe dọa bởi chủ nghĩa phát xít và đảm nhận vai trò lãnh đạo tự do của thế giới bằng việc thành lập tổ chức Liên Hợp quốc. Mỹ giương cao

khẩu hiệu “bảo vệ các quyền tự do trên thế giới”, nhưng trong suốt hai cuộc chiến tranh thế giới tác động thảm khốc đến tự do của thế giới thì vai trò của Mỹ lại rất mờ nhạt. Nhìn chung, nước Mỹ tham chiến với tần suất rất thấp mà tập trung tìm kiếm các nguồn lợi đặc trưng khác trong quan hệ quốc tế như là kinh tế, chính trị. Thậm chí, dù Mỹ đang là hình ảnh đại diện quan trọng của nền tự do trên thế giới nhưng quốc gia này vẫn không ngần ngại xâm phạm đến giá trị tự do, dân chủ và nhân quyền. Điển hình là Chính quyền Roosevelt thông qua chính sách vào năm 1942, qua đó hơn 110.000 người Mỹ gốc Nhật bị bắt và giữ ở các trại giam trong phần lớn thời gian của Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Đó là “sự vi phạm quyền tự do dân sự lớn nhất của Mỹ trong thế kỷ XX”<sup>11</sup>. Rõ ràng, những thông cáo về nhận thức và hành động chuẩn mực tự do của Mỹ trong suốt giai đoạn từ chiến tranh thế giới đến Chiến tranh Lạnh giúp ta hình dung một cách trực diện hơn về tự do cả trong lý thuyết và thực tiễn. Không như những lời tuyên bố và bản chất hoa mỹ về tự do Mỹ, các hành động đối ngoại tự do của Mỹ trước hết bị chi phối bởi lợi ích quốc gia - dân tộc và tùy theo từng hoàn cảnh, nó buộc phải đánh tráo khái niệm, thậm chí là xâm hại giá trị nguyên bản về tự do.

Rõ ràng, nhận thức về giá trị tự do của Mỹ được ấn định sâu sắc trong tiềm thức lịch sử hình thành và phát triển dân tộc, trở thành yếu tố cốt lõi trong

lỗi hành xử đối ngoại của đất nước. Tự do trở thành khung cấu trúc và đích đến cho nước Mỹ hoạt động trôi chảy và chính đáng, mặc cho những tác động bởi các lợi ích chủ quan và khách quan bởi các hoàn cảnh khác nhau. Vì vậy, xét đến cùng, giá trị tự do vẫn là niềm tự hào của người dân Mỹ và các nhà lãnh đạo Mỹ vẫn tiếp tục duy trì tiềm năng của nó trên bình diện chính sách đối ngoại với quốc tế.

### ***“Phục hưng” trong đối ngoại của Trung Quốc***

Trung Quốc là quốc gia tôn trọng truyền thống lịch sử với tinh thần tự hào dân tộc đôi khi mang sắc thái cực đoan của chủ nghĩa dân tộc. Trong hoạt động đối ngoại, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đều nhắc đi nhắc lại những bài học xương máu mà quốc gia này đã trải qua. Ngoài những thành công vĩ đại được thần thánh hóa thì sự thất bại cũng được đưa ra vừa để thúc đẩy sức mạnh quốc gia phải mạnh mẽ hơn, vừa giúp nhìn nhận lại tư duy đối ngoại. Trong đó, đặc biệt phải nói đến giai đoạn “bách niên quốc sỉ” sau này được Trung Quốc nâng lên thành cột mốc và khái niệm đánh dấu bước chuyển mình vô cùng lớn về nhận thức và hành xử đối ngoại của quốc gia này.

Thái độ của Trung Quốc là luôn tỏ ra căm phẫn trong giai đoạn “thế kỷ bị nhục nhã”. Đây là giai đoạn kéo dài từ năm 1839 đến năm 1949, bắt đầu đánh dấu bằng sự suy yếu của nhà Thanh - triều đại phong kiến cuối cùng của

Trung Quốc trước đế quốc Anh, đồng thời mở ra một chương sử đối ngoại tệ hại nhất của quốc gia được xem như “quốc sỉ” (nổi nhục quốc gia). Là một quốc gia có lãnh thổ rộng lớn và dân số đông đảo, nhưng Trung Quốc không những không có được sức mạnh quốc gia ổn định, mà còn phải hứng chịu tình trạng xâu xé của các nước thực dân phương Tây. Từ hai cuộc Chiến tranh thuốc phiện cho đến chiến tranh với Nhật Bản, Trung Quốc liên tục phải ký kết nhiều hiệp ước bất bình đẳng xác lập vị thế “nô lệ đối ngoại” không chính thức đối với nước ngoài. Toàn bộ Trung Quốc bị “chia năm xẻ bảy” và trở thành vùng đất của những thị phần. Trung Quốc nhận thấy rằng, sức mạnh của đa số không quyền lực chắc chắn sẽ bị trấn áp tuyệt đối từ thiểu số nắm quyền lực. Chính vì vậy, chính quyền Trung Quốc khắc phục điều này bằng cách gia tăng sức mạnh thực lực quốc gia bằng cách vực dậy các tiềm năng thuận lợi về địa lý, lịch sử, con người. Quốc gia này muốn khơi dậy sự “phục hưng” của thời kỳ nhà Đường trong lịch sử, với vị thế trở thành trung tâm thương mại - chính trị của toàn bộ lục địa, thậm chí là của cả thế giới. Do đó, các thế hệ lãnh đạo Trung Quốc, từ Tôn Trung Sơn đến Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông cho đến Tập Cận Bình ngày nay, đều đã sử dụng diễn ngôn sỉ nhục dân tộc và mục tiêu “trẻ hóa quốc gia” để vận động quần chúng nhân dân ủng hộ cuộc cách mạng hoặc cải cách của họ<sup>12</sup>.

Ngoài ra, giá trị “phục hưng” xuất phát trong khái niệm “bách niên quốc sĩ” gắn chặt vào lực đẩy từ lịch sử truyền thống Trung Quốc. Sở hữu niềm tự hào về lịch sử văn minh lâu đời cùng nhiều di sản về bài học đối ngoại, tư tưởng và các học thuyết chính trị phong phú, đặc biệt nổi bật lên là Nho giáo, đạo Lão và Phật giáo. Theo đó, quan niệm đối ngoại của Nho giáo được biểu hiện qua thuyết “một thiên hạ” thống nhất dưới vai trò trung tâm của vùng đất Trung Nguyên thần thánh. Hành xử đối ngoại của Trung Quốc dựa trên Nho giáo tuân theo quan điểm ba thứ bậc, đó là: Trung Quốc là quốc gia ở vị trí tầng bậc cao nhất, sau đó đến “các nước ngoại vi” mang tính chất láng giềng nhưng phải có tư tưởng chính trị tương đồng và phải thực hiện nghĩa vụ cống nạp cho Trung Quốc, cuối cùng đến những nước “man di, mọi rợ” - đặc biệt là những quốc gia phương Tây<sup>13</sup>. Rõ ràng, quan niệm lịch sử này tác động sâu sắc đến tâm thức của các thế hệ lãnh đạo khi để xảy ra nỗi đau tang tóc tương tự như “bách niên quốc sĩ” và điều đó khiến quốc gia này phải khôi phục sự vĩ đại của đất nước.

Các lãnh đạo đều thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại của Trung Quốc nhắm đến mục đích “đại phục hưng dân tộc Trung Hoa”, kiến dựng Trung Quốc thành “cường quốc số 1” toàn cầu. Tôn Trung Sơn đã đề cao khẩu ngữ đối ngoại “đại phục hưng dân tộc Trung Hoa” và phải nhanh chóng làm “Trung Quốc

phải trở thành cường quốc giàu mạnh nhất thế giới”. Cho đến khi Đảng Cộng sản Trung Quốc thống nhất đất nước và thành lập CHND Trung Hoa do Mao Trạch Đông lãnh đạo, họ cũng tuyên bố y hệt nhưng rõ ràng hơn, đó là “Trung Quốc phải vượt qua nước Mỹ”<sup>14</sup>. Bằng cách gây dựng niềm tin cơ sở đối với nhân dân bằng các văn hóa phẩm, thậm chí là giáo dục về giai đoạn bị sỉ nhục. Quốc gia này muốn sớm định hình tư duy cho nhân dân Trung Quốc về sự đe dọa thường trực của nước ngoài và cần thiết phải kích thích lòng tự tôn, đoàn kết dân tộc. Kế hoạch biên soạn về ký ức đau thương, sự thất bại và nỗi nhục nhã trong lịch sử của Chính phủ Trung Quốc như là cách để bảo tồn nhằm tiến hóa thành một bản sắc định danh quốc gia - dân tộc. Mặc dù, chúng mang giá trị tinh thần nặng nề tiêu cực nhưng vô hình trung trở thành một động lực thúc đẩy phát triển cho dân tộc. Ở khía cạnh nào đó, nó còn kích thích sự đe dọa luôn túc trực bên ngoài thế giới đối với dân tộc Trung Hoa, khiến họ phải đoàn kết và thể hiện sức mạnh vươn xa hướng đến với mục tiêu “phục hưng” quốc gia.

Thực tiễn cho thấy, thế hệ lãnh đạo thứ nhất Mao Trạch Đông đã sớm đề ra kế hoạch để trả thù cho “bách niên quốc sĩ” và mong muốn thay thế Hoa Kỳ trong vai trò kinh tế, quân sự và chính trị dẫn đầu thế giới vào năm 2049. Kế hoạch này được gọi là “Trăm năm Marathon” đã được thực hiện bởi Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo phương hướng

đôi ngoại một cách thống nhất và trực diện đối với Mỹ. Mục đích là để “trả thù” hoặc “xóa sạch” những “nỗi nhục” của nước ngoài gây ra trong quá khứ. Sau đó, Trung Quốc sẽ thiết lập một trật tự thế giới đem lại công bằng trước hết cho nước này, hình thành một thế giới không có người Mỹ, nắm quyền tối cao toàn cầu và sửa đổi thế giới kinh tế và địa chính trị do Hoa Kỳ thống trị<sup>15</sup>. Tuy nhiên, giá trị “phục hưng” trong kế hoạch này của Trung Quốc cũng biến hóa khôn lường thuận theo bối cảnh quan hệ quốc tế thường dịch chuyển. Điều chính yếu của sự thay đổi là cách thức chỉ đạo của các thế hệ lãnh đạo, mặc dù cùng chung một lý tưởng nhưng tâm lý, thái độ chính trị khi giải quyết tình huống là hoàn toàn khác nhau. Bằng chứng lịch sử cho thấy rõ ràng Mao Trạch Đông thực hiện chính sách “nhất biên đảo” - ngả về một bên, ở đây là Liên Xô để làm chỗ dựa phát triển đất nước. Đến thế hệ lãnh đạo thứ hai, người được xưng là “kiến trúc sư trưởng” của Trung Quốc - Đặng Tiểu Bình, ông lại thực hiện nguyên tắc sẵn sàng hợp tác với bất kỳ thế lực nào không phân biệt tốt, xấu để âm thầm phát triển thực lực quốc gia tìm cơ hội trỗi dậy. Nhìn chung, dù thay đổi cách thức hành xử nhưng giá trị “phục hưng” vẫn níu giữ các thế hệ lãnh đạo như sợi chỉ đỏ xuyên suốt hành động của họ.

Có thể thấy, động lực lịch sử truyền thống về khát khao khôi phục lại trở thành trung tâm tinh hoa nhân loại của

Trung Quốc luôn thôi thúc giá trị “phục hưng” quốc gia đối với thế giới. Bằng cách thức tô điểm một hình ảnh rõ ràng trong giai đoạn thất bại đối ngoại, Trung Quốc phần nào khắc họa một chân dung hoàn thiện về cung cách đối ngoại với các nước thông qua hình ảnh sống động về “bách niên quốc sĩ”.

### **Giá trị đối ngoại cốt lõi với cách hành xử của người lãnh đạo**

Ứng với từng giai đoạn và vai trò cá nhân khác nhau, Mỹ và Trung Quốc đều có những chuyển biến nhất định trong giá trị cốt lõi bằng hành xử đối ngoại. Tuy nhiên, xét về bản chất, giá trị cốt lõi của hai nước này vẫn được phơi bày phần lớn trong chính sách đối ngoại. Chính quyền Mỹ và Trung Quốc rất thường xuyên viện dẫn những giá trị cốt lõi của mình để bảo đảm ban đầu cho các hành động đối ngoại một cách rõ ràng hơn. Thực tiễn từ Chiến tranh Lạnh đến nay, hành xử đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc tuy cùng tồn tại điểm chung trong triển khai giá trị cốt lõi nhưng đồng thời có những mặt đối nghịch và tương phản rõ rệt.

#### ***Tuyên bố và thực hiện không là một***

Ngay từ khi cầm quyền, Mao Trạch Đông đã đưa ra tuyên bố quan trọng về chiến lược “phục hưng” dân tộc Trung Hoa, đó là “phải vượt qua Anh và bắt kịp Mỹ” trong một thời kỳ được gọi là kế hoạch “đại nhảy vọt”<sup>16</sup>. Thái độ của Mao đối với phương Tây rất rõ ràng, ông kết luận rằng chỉ có hai chủng tộc

“da vàng và da trắng”, ở đó người da trắng tuy “có ưu thế” nhưng người da vàng không chịu khuất phục bằng cách thay đổi chiến lược. Mao Trạch Đông và các cộng sự tin rằng sự tồn vong của Trung Quốc sẽ phụ thuộc vào một chiến lược tầm cỡ đan cài những nét bản sắc của dân tộc Trung Quốc<sup>17</sup>. Nhìn chung, với bài học “bách niên quốc sĩ” cùng tâm lý bài ngoại, Mao Trạch Đông kêu gọi sự đồng thuận từ người dân đối với kế hoạch “phục hưng” Trung Quốc của mình.

Trung Quốc là một nước cộng sản trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh nên hiển nhiên phải phụ thuộc vào Liên Xô - một quốc gia láng giềng và đứng đầu Khối cộng sản thế giới. Mao Trạch Đông chấp hành chính sách “nhất biên đảo” (ngả về một bên), tức là các hành xử phụ thuộc hoàn toàn vào Liên Xô trong thế trận giành tranh mạnh mẽ với Mỹ. Điều này đã bắt đầu chệch hướng “phục hưng” của Trung Quốc khi thái độ của Mao Trạch Đông tỏ ra yếu ớt và không đủ khả năng trên trường quốc tế. Thế nhưng, quan hệ Trung - Xô không thân thiết được lâu khi tham vọng làm chủ Khối Cộng sản thế giới của Mao Trạch Đông quay trở lại đúng quỹ đạo của sự “phục hưng”. Bất đồng giữa Trung Quốc và Liên Xô ngày càng tăng và lên đến đỉnh điểm khi cuộc chiến biên giới nổ ra vào năm 1969. Điều này đẩy Trung Quốc vào tình trạng nơm nớp lo sợ về tình hình an ninh khi thực lực quốc gia chưa đủ mạnh so với Liên Xô.

Vì vậy, Mao Trạch Đông đã hướng ngoại giao đến Mỹ để tìm kiếm sự đối trọng ngang bằng với Liên Xô trong trò chơi quyền lực thế giới. Tuy nhiên, Mao Trạch Đông khá lo sợ trước phản ứng của giới chức Trung Quốc và nhân dân với những tuyên bố mang tính “phục hưng” và bài phương Tây trước đó của mình. Đây là một thách thức lớn với Trung Quốc nhưng là cơ hội với Mỹ khi muốn Trung Quốc rời xa Liên Xô và gần mình hơn. Henry Kissinger đã khuyên Nixon mở màn những hành động ngoại giao đơn giản trước để dần dần làm hòa với người dân Trung Quốc, thông qua “ngoại giao bóng bàn” - một sự kiện giao lưu thể thao mang tính chất chính trị. Chính vì lẽ đó, mặc dù quan hệ Mỹ - Trung bắt đầu hàn gắn hợp tác trong ngoại giao, nhưng nó đã cho thấy Trung Quốc đã đi ngược lại với tuyên bố của mình. Nói chung, Trung Quốc luôn có phát ngôn thù hận đối với phương Tây khi đã để lại “nỗi nhục” không thể xóa mờ trong lịch sử. Tuy nhiên, trong quan hệ quốc tế với trò chơi quyền lực tổng bằng không, sự lạnh nhạt giữa Trung - Xô nghiêm nhiên sẽ thu hút vai trò của Mỹ vào nước yếu hơn là Trung Quốc. Đây cũng chính là tiền đề quan trọng để thông qua những chính sách đối ngoại “mở cửa hoàn toàn với phương Tây” của thế hệ lãnh đạo thứ hai Đặng Tiểu Bình.

Đối với Mỹ, trong suốt thế kỷ XX, vai trò tự do Mỹ luôn hiện hữu khắp nơi, gắn chặt với những lời tuyên bố

can thiệp chính đáng. Nhận định chung về vai trò của Mỹ thời gian này, nhiều học giả khẳng định rằng “tự do là mục đích của nước Mỹ”<sup>18</sup>. Sau khi Liên Xô sụp đổ, nước Mỹ thừa cơ quảng bá sức mạnh đơn cực của mình với thế giới qua lời khẳng định là “ngọn đuốc tự do đủ thấp sáng cả thế giới”<sup>19</sup>. Thậm chí, sau khi bị khủng bố tấn công vào năm 2001, nước Mỹ cho thấy quyết tâm lấy “tự do như một cách chữa trị cho sự bất an của người Mỹ”. Chiến lược an ninh quốc gia Mỹ giải thích “Hoa Kỳ phải bảo vệ tự do và công lý vì nguyên tắc tự do là đúng đắn cho tất cả mọi quốc gia”<sup>20</sup>.

Tuy nhiên, đứng trước lý lẽ hoa mỹ về tự do, nước Mỹ không tránh khỏi những dao động mạnh mẽ bởi những nguồn lợi ích phong phú khác. Điển hình món lợi kinh tế trong sự kiện can thiệp của Mỹ tại Trung Đông trước thêm cuộc chiến Vùng Vịnh. Khi mà, giếng dầu Kuwait tại Iraq đã làm gia tăng đáng kể sức hút của quốc gia này trên trường quốc tế về kinh tế. Chính điều này đã khiến Mỹ “làm ngơ” và thậm chí ra tay giúp đỡ gián tiếp trong sự kiện Iraq tấn công Iran năm 1980. Nghiêm trọng hơn, việc Saddam Hussein thăm sát hàng nghìn người làm dấy lên làn sóng phản đối từ Quốc hội Mỹ vì đã vi phạm giá trị bản sắc tự do, dân chủ và nhân quyền. Tuy nhiên, những yêu cầu áp đặt lệnh trừng phạt đối với Iraq đã bị ngăn cản bởi nhiều thế lực từ chính quyền đến các công ty tư bản tầm cỡ<sup>21</sup>. Đôi khi nước Mỹ còn đem giá trị tự do Mỹ đôi chác

để được tiếp cận lợi ích kinh tế, hoặc trao đổi ảnh hưởng chính trị. Nhất là sau những cải cách kinh tế toàn diện của Đặng Tiểu Bình, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng hàng đầu thế giới, khi trao đổi lợi nhuận ròng với các công ty Mỹ cán mốc 100 tỷ USD một năm. Trước một nguồn kinh tế phong phú như vậy, các tổng thống Mỹ cũng bị chi phối và lấn át mất các giá trị “tự do” theo như các tuyên bố đối ngoại. Tổng thống Bush (cha) thường xuyên phải đứng ra phủ quyết những đề xuất của đảng đối lập về tình trạng đàn áp tự do, nhân quyền tại sự kiện Thiên An Môn. Kể cả sau đó, tổng thống kế nhiệm Clinton tỏ ra “dè dặt” đối với các vấn đề tự do tại Trung Quốc mặc dù có những tuyên bố chung được nêu ra nhưng thực chất đó chỉ là cách “chọc giận” các lãnh đạo Trung Quốc để họ có thêm tín nhiệm trên phương diện bài trừ Mỹ và phương Tây nói chung<sup>22</sup>.

Suy cho cùng, các lời lẽ về hành xử đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc trong giai đoạn này đều cho thấy sự không đồng nhất đối với hành động của đôi bên. Nói chung, ta vẫn thấy lợi ích quốc gia hiện lên trở thành điểm chung cốt lõi trong nguyên tắc của Mỹ và Trung Quốc, lấn át các giá trị bản sắc trong đối ngoại của hai nước. Rõ ràng, với cách thức sử dụng giá trị cốt lõi trong đối ngoại làm hình thức, hai quốc gia đều biện minh và giải thích hợp lý cho các hành động đi ngược với những tuyên bố của mình.

***Kiên quyết là của Trung Quốc -  
hoa mỹ thuộc về Hoa Kỳ***

Tiếp nối di sản của các thế hệ lãnh đạo trước đó, Tập Cận Bình nắm quyền Trung Quốc vào năm 2012 đã bày tỏ thái độ hành xử đối ngoại gắn chặt với bản chất giá trị “phục hưng”. Chính quyền Tập Cận Bình đã từ bỏ “giấu mình chờ thời” và nhường nhịn phương Tây, ông Tập đề ra ý tưởng “giấc mộng Trung Hoa” - một tên gọi mới cho sự phục hưng của Trung Quốc đến năm 2049. Tập Cận Bình cho rằng ý tưởng này tương quan chặt chẽ về việc “tổ chức sự phục hưng của Trung Quốc trong khi vẫn trung thành với di sản văn hóa phong phú và bản sắc xã hội chủ nghĩa của riêng mình”, đồng thời ông miêu tả rõ hành động của “một Trung Quốc mạnh mẽ” với phương Tây và “theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập, kiên quyết đi theo con đường riêng của mình”<sup>23</sup>.

Giống như tuyên bố, Tập Cận Bình bắt đầu sử dụng cách thức “trỗi dậy hòa bình” để khẳng định mục tiêu phục hưng tương quan với tham vọng “giấc mộng Trung Hoa” nhưng vẫn không quên ôn lại phần lịch sử “đất nước Trung Quốc đã phải chịu đựng sự hy sinh và gian khổ trong lịch sử hiện đại thế giới”<sup>24</sup>. Hơn nữa, các cơ quan truyền thông của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã sử dụng nhiều phương thức khác nhau để quảng bá câu chuyện mang tính trọng đại này như là một cơ hội để kết thúc “bách niên quốc sĩ”. Nhiều nhà nghiên cứu hình dung

“giấc mộng Trung Hoa” đang trở thành “tuyên bố sứ mệnh” và “tuyên ngôn chính trị” của Tập Cận Bình biểu hiện chân thực về cách thức ứng xử trong quan hệ quốc tế và phần nào đoán định được tương lai của Trung Quốc<sup>25</sup>. Quả thực, hành xử của Trung Quốc đã thể hiện rõ sự trỗi dậy một cách mạnh mẽ nhưng không “hòa bình” như lời họ tuyên bố. Trung Quốc thực hiện nhiều chính sách hướng ra biển phía Nam với thái độ hung hãn gây ảnh hưởng lớn đến các nước ở Đông Nam Á. Chính quyền Tập Cận Bình giải thích rằng việc tiến ra biển là nhu cầu thiết yếu và đồng thời để giành lại, bảo vệ phần chủ quyền trước các thế lực phương Tây. Điển hình tại Đài Loan, khi mà các chuyên gia nhận định “chắc chắn không thể khoanh tay đứng nhìn Đài Loan bị nuốt chửng” và Trung Quốc thì quyết liệt xem chủ thể này là “hạt nhân vững chắc” trong chính sách đối ngoại<sup>26</sup>. Nói cách khác, Trung Quốc phê phán vai trò Tây hóa ở Đài Loan và yêu cầu tuân thủ “chính sách một Trung Quốc” vì nếu không giành lại được Đài Loan thì Trung Quốc sẽ rơi vào tình trạng ly khai diện rộng ở các vùng tương tự. Rõ ràng, lãnh đạo Trung Quốc Tập Cận Bình là người chuyển đổi xu hướng đối ngoại hoàn toàn so với các thế hệ lãnh đạo tiền nhiệm. Hành xử đối ngoại của Trung Quốc không còn úp mở và nhún nhường, thay vào đó là bám sát vào tuyên ngôn “phục hưng” để nhanh chóng kết thúc “bách niên quốc sĩ”.

Về phía Mỹ, giá trị tự do trong chính sách đối ngoại của nước này đang dần được hiểu rộng hơn trước lực hút mạnh mẽ của trò chơi cạnh tranh quyền lực. Thực tế cho thấy, quyền lực Mỹ trong thế kỷ XXI đang đi xuống tương quan với chủ nghĩa can thiệp tích cực tại châu Á. Do đó, những cam kết tự do cũng bắt đầu nhạt nhòa trước những biến động to lớn về cán cân quyền lực đang chia sẻ ảnh hưởng đối với Mỹ. Từ Obama đến Trump và Biden đều cam kết tự do riêng biệt không đồng nhất và thực hiện giá trị tự do Mỹ chỉ dừng ở dạng vỏ bọc cho bản chất hành động.

Tổng thống Obama tự nhận trách nhiệm của Mỹ “phải giải quyết vấn đề bất công và bình đẳng” và “chúng ta [Hoa Kỳ] phải bảo đảm các quyền tự do bẩm sinh cho tất cả mọi người”<sup>27</sup>. Sau hai nhiệm kỳ cầm quyền, Obama đã để lại di sản nhiệm kỳ khá thành công trong những cam kết đạt được tự do ở Trung Đông khi thực hiện rút hết quân Mỹ khỏi Afganistan và tiêu diệt thành công thủ lĩnh khủng bố. Nhiều chuyên gia cho rằng, việc chuyển dần vai trò “tự do” Mỹ ở Trung Đông của chính quyền Obama là để tập trung chiến lược “xoay trục châu Á - Thái Bình Dương” nhằm kiểm chế sức mạnh trỗi dậy của Trung Quốc<sup>28</sup>. Rõ ràng, tự do Mỹ dưới thời Obama đang cho thấy dấu hiệu phai nhạt tính hiện thực trong hành động ngoại trừ giá trị tự do. Thậm chí sau đó, Tổng thống D. Trump còn suy nghĩ thực dụng hơn về tự do khi mà đối ngoại chủ yếu

về kinh tế theo quan điểm “nước Mỹ trên hết” đề cao vai trò “Mỹ ủng hộ thương mại tự do, nhưng cần phải công bằng”<sup>29</sup>. Chính sách thực dụng này của D. Trump có thể nguy hại đến bản chất nền tự do trên thế giới. Bởi vì, nền dân chủ và quyền tự do được lựa chọn tiếp cận khác nhau từ các thể chế kinh tế và xã hội của từng quốc gia. Việc Mỹ thúc đẩy tự do thương mại bằng cách gia tăng sự cạnh tranh kinh tế với các cấu trúc nhà nước khác sẽ khuyến khích sự trỗi dậy của các loại chủ nghĩa cực đoan, điển hình là chủ nghĩa dân tộc<sup>30</sup>. Tiếp đến Tổng thống J. Biden, tự do được sử dụng nhuần nhuyễn như tấm bình phong của Mỹ để thuận tiện ban hành chính sách đối ngoại “ưu việt về chính trị và quân sự” nhằm “phục hồi giá trị Mỹ”<sup>31</sup>. Chính quyền ông Biden quyết định chấm dứt hoàn toàn chiến tranh tại Afghanistan với giải thích là “sai lầm khi ở lại và chiến đấu lâu dài trong một cuộc xung đột không vì lợi ích quốc gia của Mỹ”<sup>32</sup>. Rõ ràng, đi ngược lại về những tuyên bố vai trò, trách nhiệm Mỹ về truyền tải tự do khắp thế giới, phát biểu của ông Biden cho thấy rõ lợi ích quốc gia là căn cơ nền tảng nhất mà giá trị tự do là hình thức bao bọc đầy hoa mỹ.

Có thể thấy, Trung Quốc và Mỹ hiện nay đang thể hiện rõ sự đối nghịch giữa hành xử đối ngoại và giá trị cốt lõi của mình. Đối với Trung Quốc, quốc gia này ngày càng vươn mình mạnh mẽ tạo tính phù hợp và tiệm cận vào giá trị

“phục hưng” trong hành xử đối ngoại từ trong quá khứ các thế hệ lãnh đạo chưa dám thực hiện. Đối với Mỹ, các hành xử đối ngoại của Mỹ đang tỏ rõ sự suy yếu và rời xa dần giá trị cốt lõi về “tự do” trong đối ngoại của mình khi quyền lực và lợi ích quốc gia đang có dấu hiệu thuyên giảm.

### Kết luận

Giá trị cốt lõi trong hành xử đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc được định danh bởi đặc trưng bản sắc quốc gia trong ý thức và hành động đối với thế giới. Ở đó, nước Mỹ trân trọng nền tảng tự do như một thước đo quan trọng về đạo đức và cách xử sự đối với thế giới. Còn Trung Quốc gìn giữ giá trị “phục hưng” từ bài học “bách niên quốc sỉ” nhằm xóa bỏ sự thất bại cay đắng trong quá khứ.

Mỹ và Trung Quốc đều có cách lý giải và viện dẫn khác nhau về giá trị riêng biệt của mình trong chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh đặc biệt khi tình trạng quốc gia bị lâm nguy, an ninh bị đe dọa và cán cân quyền lực bỗng dịch chuyển thì chính sách đối ngoại của quốc gia cũng phải điều chỉnh, không theo nguyên tắc giá trị cốt lõi. Thay vào đó, lợi ích quốc gia vẫn hiện hữu phía sâu bên trong những tuyên bố đầy hoa mỹ của Mỹ và rất quyết liệt của Trung Quốc. Điều này cho thấy giá trị cốt lõi trong chính sách đối ngoại vẫn luôn chịu sự quy định bởi hoàn cảnh và lợi ích quốc gia. Vì vậy, theo cách hiểu này, đối ngoại của Mỹ và

Trung Quốc đều có bản sắc giá trị riêng nhưng luôn bị tác động bởi yêu cầu thực tế và lợi ích quốc gia tối thượng. Nó khiến các giá trị cốt lõi trong hành xử của Mỹ và Trung Quốc lúc thì mập mờ khó hiểu lúc thì rõ ràng chân thực, làm các nhà nghiên cứu phải bối rối và đây công nghiên cứu kỹ lưỡng hơn nữa mới có thể đưa ra được những nhận định chính xác trong hành xử đối ngoại của hai quốc gia này ■

### Chú thích:

1. Eric Foner (2019), “*Give me Liberty!: An American History*”, Publisher by W.W. Norton & Company, New York, p.87 - 108.
2. Alexis de Tocqueville (2020), *Nền dân trị Mỹ*, NXB Tri thức, Hà Nội, tr.91.
3. Eric Foner (2019), “*Give me Liberty!: An American History*”, Publisher by W.W. Norton & Company, New York, p.57.
4. Smithsonian (2016), “*The American Revolution: A Visual History*”, DK Publishing, New York, p.53.
5. NCC Staff (2021), “*On this day, the name “United States of America” becomes official*”, <https://constitutioncenter.org/blog/today-the-name-united-states-of-america-becomes-offici>, truy cập ngày 28/01/2022.
6. The Declaration of Independence, <https://www.ushistory.org/declaration/document/>, truy cập ngày 28/01/2022.
7. Nguyễn Cảnh Bình (biên soạn) (2018), *Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào?*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr.16.
8. Eric Foner (2017), *Battles for freedom The Use and Abuse of American History*, Published by I.B.Tauris & Co. Ltd and The Nation Company, New York, p.77.
9. John McGowan (2017), *American Liberalism An interpretation for Our time*, The university of north Carolina Press, 2007, p.167 - 168.
10. Andrew Clapham (2016), *Human Rights: A very Short introduction*, Oxford University Press, USA, p. 43 - 44.
11. Eric Foner (2019), “*Give me Liberty!: An American History*”, Publisher by W.W. Norton & Company, New York, p.1221.
12. Zheng Wang (2014), “*The Chinese Dream: Concept and Context*”, *Journal of Chinese Political Science*, Vol.19, Issue 1, p.2 - 5.

13. Đỗ Thị Thùy (2010), “*Nghiên cứu chính sách đối ngoại Trung Quốc từ góc độ lý luận quan hệ quốc tế*”, tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, số 4(83)/2010, tr.57 - 58.
14. Nguyễn Huy Quý (2012), “*Quan hệ chính trị đối nội và đối ngoại của Trung Quốc hiện tại và triển vọng*”, tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 9 (133)/2012, tr.22-23.
15. Michael Pillsbury: *The Hundred-year marathon, China's secret strategy to replace america as the global superpower*, Pulished by henry holt and company, Newyork, 2015, p.18.
16. Brian Winston (2015), “*Chairman Mao must be smiling in heaven*”, <https://www.theguardian.com/world/2015/oct/23/chairman-mao-must-be-smiling-in-heaven>, truy cập ngày 29/01/2022.
17. Michael Pillsbury (2015), *The Hundred-year marathon, China's secret strategy to replace America as the global superpower*, Pulished by Henry Holt and company, New York, p.25.
18. Timothy J. Lynch (2020), *In the Shadow of the cold war: American Foreign Policy From George Bush Sr. To Donal Trump*, Published by Cambridge University Press, UK, p.78.
19. Geogre Bush (1992), “*Remark on Presenting the President Medals of Freedom*”, <https://www.presidenty.ucs.edu/documents/remarks-presenting-the-presidential-medals-freedom>, truy cập ngày 04/02/2022.
20. Timothy J. Lynch (2020), *In the Shadow of the cold war: American Foreign Policy From George Bush Sr. to Donal Trump*, Published by Cambridge University Press, UK, p.119.
21. Peter Calvocoressi (2007), *Chính trị thế giới sau năm 1945*, NXB Lao động, TP HCM, tr. 424.
22. Peter Calvocoressi (2007), *Chính trị thế giới sau năm 1945*, NXB Lao động, TP HCM, tr. 141.
23. Robert Lawrence Kuhn (2014), “*The Chinese dream in Western eyes*”, [https://www.chinadaily.com.cn/china/2014-04/17/content\\_17465392 .htm](https://www.chinadaily.com.cn/china/2014-04/17/content_17465392.htm), truy cập ngày 04/02/2022.
24. Xinhua (Tân Hoa Xã), “*Xi highlights national goal of rejuvenation*”, [https://www.chinadaily.com.cn/china/2012-11/30/content\\_15972687 .htm](https://www.chinadaily.com.cn/china/2012-11/30/content_15972687.htm), truy cập ngày 04/02/2022.
25. Michael A. Peters (2017), “*The Chinese Dream: Xi Jinping thought on Socialism with Chinese characteristics for a new era*”, Educational Philosophy and theory published by Routledge, Vol.49, No.14, 2017, p.1302
26. Christian Shepherd - Michael E. Miller (2021), “*China warns United States over news reports that American forces are stationed in Taiwan*”, [https://www.washingtonpost.com/world/asia\\_pacific/taiwan-china-us-marines/2021/10/08/20378918-27d8-11ec-8739-5cb6aba30a30\\_story.html](https://www.washingtonpost.com/world/asia_pacific/taiwan-china-us-marines/2021/10/08/20378918-27d8-11ec-8739-5cb6aba30a30_story.html), truy cập ngày 04/02/2022.
27. The White House Office of the Press Secretary (2016), “*Presidential proclamation - National African American History Month*” <https://obama.whitehouse.archives.gov/the-press-office/2016/01/29/presidential-proclamation-national-african-american-history-month-2016>, truy cập ngày 06/02/2022.
28. Michael Pillsbury (2015), *The Hundred - year marathon, China's secret strategy to replace America as the global superpower*, Pulished by Henry Holt and company, New York, p.231.
29. Thao AP (2018), “*Tổng thống Mỹ khẳng định ủng hộ tự do thương mại công bằng*”, <http://www.baodongnai.com.vn/thegioi/201801/tong-thong-my-khang-dinh-ung-ho-tu-do-thuong-g-mai-cong-bang-2879101/>, truy cập ngày 06/02/2022.
30. Jacques Sapir (2017), “*President Trump and free trade*”, Real-world economics review Journal, issue no.79, p.72 - 73.
31. Joshua Shiffrinson - Stephen Wertheim (2021), “*Biden the Realist: The president's Foreign Policy Doctrine has been hiding in Plain sight*”, <https://www.foreignaffairs.com/articles/united-states/2021-09-09/biden-realist>, truy cập ngày 06/02/2022.
32. The White House (2021), “*Remarks by President Biden on Afghanistan*”, <https://www.whitehouse.gov/briefing-room/speeches-remarks/2021/08/16/remarks-by-president-biden-on-afghanistan/>, truy cập ngày 06/02/2022.